

Số: 689/PGDDĐT

Mỹ Tú, ngày 17 tháng 9 năm 2024

V/v giao chỉ tiêu thi đua năm
học 2024 -2025

Kính gửi : Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học,
Trung học cơ sở trên địa bàn huyện Mỹ Tú.

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 48/2023/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2020 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-BNV ngày 24 tháng 02 năm 2024 của Bộ Nội vụ Quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 29/2023/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng đối với ngành giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 25/2024/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy định về công tác Thi đua, Khen thưởng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Thực hiện chỉ tiêu kế hoạch UBND huyện giao cho ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2024.

Phòng Giáo dục và Đào huyện Mỹ Tú định hướng một số chỉ tiêu thực hiện nhiệm vụ giáo dục của các đơn vị trường học trực thuộc, năm học 2024- 2025 cụ thể như sau:

| Nội dung | Định hướng chỉ tiêu |
|--|---------------------------|
| I. Phát triển số lượng và chất lượng giáo dục | |
| 1. Huy động học sinh trong độ tuổi ra lớp | So với số HS trên địa bàn |
| - Huy động học sinh ra lớp theo chỉ tiêu giao | - 100% |

| | |
|---|---------------|
| - Học sinh học đúng độ tuổi: | |
| - Tiểu học (6-10 tuổi) | - 93% trở lên |
| - THCS (11-14 tuổi) | - 93% trở lên |
| - Trẻ 6 tuổi vào lớp 1 | - 100% |
| - Trẻ hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6 | - 97% trở lên |
| - Mẫu giáo (3-5 tuổi) | - 75% trở lên |
| - Trẻ 5 tuổi vào Mẫu giáo | - 96% trở lên |
| 2. Công tác duy trì sĩ số | |
| - Trường chuẩn quốc gia | 99% trở lên |
| - Các trường còn lại | 98% trở lên |
| 3. Chất lượng giáo dục | |
| a) Mầm non | |
| - Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng về cân nặng | - Dưới 10% |
| - Tỷ lệ trẻ thấp còi | - Dưới 10% |
| - Tỷ lệ trẻ được đảm bảo an toàn về vật chất và tinh thần; không xảy ra dịch bệnh và ngộ độc trong nhà trường | - 100% |
| - Tỷ lệ trẻ học 2 buổi/ngày duy trì đến cuối năm học | - 100% |
| - Tỷ lệ trẻ 5 tuổi học 2 buổi/ngày | - 100% |
| - Đảm bảo trẻ khám sức khỏe định kỳ 2 lần /năm và cân đo 3 lần/năm | - 100% |
| - Tỷ lệ trẻ 5 tuổi đạt về chuyên cần (trường thuộc vùng khó khăn 90%) | - 95% trở lên |
| - Tỷ lệ chuyên cần ở độ tuổi khác (trường thuộc vùng khó khăn 85%) | - 90% trở lên |
| - Trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình | - 98% trở lên |
| b) Tiểu học | |
| - Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học | - 98% trở lên |
| - Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học | - 93% trở lên |
| - Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học | - 90% trở lên |
| c) Trung học cơ sở | |
| Đánh giá kết quả rèn luyện | |
| - Khá – Tốt | - 85% trở lên |

| | |
|---|--|
| - Chưa đạt | - 2% trở xuống |
| Đánh giá học tập | |
| - Lên lớp thẳng | - 95% trở lên |
| - Trẻ 15 - 18 tuổi TN THCS | - 80% trở lên |
| - Học sinh giỏi cấp huyện | >=1% học sinh toàn trường |
| II. Chất lượng đội ngũ | |
| 1. Đánh giá theo Nghị định 90/2019/NĐ-CP và Nghị định số 48/2023/NĐ-CP | |
| - Hoàn thành nhiệm vụ trở lên | - 97% trở lên |
| - Hoàn thành tốt nhiệm vụ | - 50% trở lên |
| - Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ | - 15% trở lên trong số Hoàn thành tốt nhiệm vụ |
| 2. Đánh giá theo chuẩn nghề nghiệp | |
| - Xếp loại Đạt trở lên | - 100% |
| - Xếp loại Khá trở lên | - 60% trở lên |
| - Xếp loại Tốt | - 20% trở lên |
| 3. Phong trào thi đua dạy tốt | |
| - Giáo viên dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cấp trường | - 50% trở lên |
| - Giáo viên dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cấp huyện | - 20% giáo viên đủ điều kiện |
| III. Các hoạt động khác | |
| - Hoàn thành chỉ tiêu của Phòng GDĐT giao | - 100% |
| - Tham gia các phong trào do Phòng GDĐT tổ chức | - 100% |
| - Tham gia học, tập bồi dưỡng khi có triệu tập | - 100% |
| - Vận động học sinh tham gia BHYT đạt chỉ tiêu giao | - 100% học sinh tham gia |
| - Website được cập nhật thông tin đầy đủ, kịp thời | Các trường có website |
| - Báo cáo, thỉnh thị đúng thời gian qui định. Đảm bảo nội dung | 100% |
| - Tham gia các Cuộc thi, Hội thi trực tuyến, trực tiếp do các cấp triển khai | 100% |

| | |
|---|--|
| - Xếp loại tổ chức Đội đạt loại khá trở lên | |
| - Đạt tiêu chuẩn trường học xanh – sạch – đẹp; thực hiện nghiêm túc các quy định về việc xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong trường học | |
| - Có báo cáo tự kiểm định chất lượng | |
| - Có xây dựng và thực hiện kế hoạch trường chuẩn quốc gia | |
| - Cá nhân, tập thể có văn bản nhắc nhở, phê bình từ 2 lần trở lên là không xét thi đua | |

Phòng Giáo dục và Đào tạo sẽ căn cứ chỉ tiêu nêu trên để bình chọn danh hiệu thi đua tập thể trong năm học 2024-2025. Đơn vị nào không đạt 01 trong các chỉ tiêu sẽ không xét Tập thể Lao động Tiên tiến, đối với Tập thể Lao động Xuất sắc phải có một số nội dung nổi bật, vượt chỉ tiêu theo định hướng.

Trên cơ sở định hướng chỉ tiêu này, đề nghị hiệu trưởng các trường trực thuộc nghiên cứu, xây dựng chỉ tiêu cụ thể cho tập thể, cá nhân của đơn vị mình làm cơ sở đánh giá, bình chọn danh hiệu thi đua năm học 2024 – 2025./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu NV-VT.

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Minh Trí